

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh, cung cấp dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trịnh Xuân Vương	Nguyên Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Minh Điềm	Nguyên Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Ngô Tân Long	Nguyên Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trịnh Việt Tuấn	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Văn Sơn	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và từ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2021

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Vũ Thuật	Nguyên Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên Trưởng ban	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Khái	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Phan Công Cường	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Tấn	Nguyên Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021 và từ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Văn Sơn	từ ngày 8 tháng 11 năm 2021
Ông Trịnh Xuân Vương	đến ngày 7 tháng 11 năm 2021
Bà Phạm Thị Xuân Hương	từ ngày 19 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	từ ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	đến ngày 19 tháng 7 năm 2021
	đến ngày 11 tháng 5 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61517100/22633863-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 4 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trần
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 4637-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		886.325.096.318	790.207.722.105
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	199.563.596.790	59.436.849.289
111	1. Tiền		65.663.596.790	47.436.849.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		133.900.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		18.538.418.556	30.403.995.881
121	1. Chứng khoán kinh doanh		68.954.572	68.954.572
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	18.469.463.984	30.335.041.309
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		133.380.003.104	149.278.338.347
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	159.798.362.592	169.058.957.889
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	7.274.783.915	10.111.048.051
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.333.265.033	5.513.852.121
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(38.026.408.436)	(35.405.519.714)
140	IV. Hàng tồn kho	9	522.620.640.362	538.564.090.611
141	1. Hàng tồn kho		526.547.422.598	540.178.012.707
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.926.782.236)	(1.613.922.096)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.222.437.506	12.524.447.977
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	380.336.230	341.980.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.596.378.985	11.941.250.132
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		245.722.291	241.217.843
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		351.875.416.395	362.417.179.787
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.788.660.200	3.788.660.200
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.337.179.683	5.337.179.683
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7, 8	(1.548.519.483)	(1.548.519.483)
220	II. Tài sản cố định		252.764.289.895	247.537.163.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	176.633.242.761	170.306.146.722
222	Nguyên giá		542.127.400.898	514.244.324.612
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(365.494.158.137)	(343.938.177.890)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	76.131.047.134	77.231.016.358
228	Nguyên giá		83.921.172.931	83.921.172.931
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.790.125.797)	(6.690.156.573)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		14.351.485.037	28.318.200.713
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	14.351.485.037	28.318.200.713
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	23.688.266.570	25.207.767.144
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.003.266.570	13.422.767.144
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.685.000.000	11.785.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		57.282.714.693	57.565.388.650
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	53.977.480.038	55.795.118.002
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	3.305.234.655	1.770.270.648
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.238.200.512.713	1.152.624.901.892

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		495.177.134.889	442.110.204.132
310	I. Nợ ngắn hạn		489.632.530.814	437.156.979.399
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	71.054.877.931	44.046.630.112
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	212.539.068.552	210.425.760.651
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	13.773.988.682	15.803.057.731
314	4. Phải trả người lao động	18	68.554.772.346	59.449.739.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.271.345.369	5.138.394.601
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		186.750.000	2.364.300.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	28.281.442.989	1.970.830.199
320	8. Vay ngắn hạn	20	71.336.727.836	76.588.796.350
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	19.633.557.109	21.369.470.255
330	II. Nợ dài hạn		5.544.604.075	4.953.224.733
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.091.791.374	4.345.985.124
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		392.812.701	547.239.609
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		743.023.377.824	710.514.697.760
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	743.023.377.824	710.514.697.760
411	1. Vốn cổ phần		265.772.800.000	265.772.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		265.772.800.000	265.772.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.680.700.783	16.680.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		229.436.579.749	212.872.856.149
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		169.268.069.388	150.309.029.589
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		70.354.293.665	71.857.698.452
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		98.913.775.723	78.451.331.137
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.865.227.904	64.879.311.239
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.238.200.512.713	1.152.624.901.892


Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập


Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.126.407.919.401	966.483.806.412
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	2.680.002.241	893.262.039
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.123.727.917.160	965.590.544.373
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	683.646.369.658	590.010.266.514
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		440.081.547.502	375.580.277.859
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	4.098.313.916	5.041.881.440
22	7. Chi phí tài chính	26	11.637.104.258	10.290.005.034
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.819.069.185	5.490.209.612
24	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	14.1	172.877.885	1.876.824.392
25	9. Chi phí bán hàng	27	190.206.827.811	154.276.049.225
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	83.161.699.766	84.892.796.501
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		159.347.107.468	133.040.132.931
31	12. Thu nhập khác		324.918.177	446.242.930
32	13. Chi phí khác		431.500.452	708.526.130
40	14. Lỗ khác		(106.582.275)	(262.283.200)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		159.240.525.193	132.777.849.731
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	37.412.867.512	30.035.071.113
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(1.534.964.007)	(164.345.338)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		123.362.621.688	102.907.123.956
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		126.376.705.023	105.790.746.137
62	20. Lỗ thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.014.083.335)	(2.883.622.181)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.4	4.742	3.567
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.4	4.742	3.567

Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		159.240.525.193	132.777.849.731
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		22.501.522.563	21.740.357.272
03	Các khoản dự phòng		5.679.555.112	6.431.317.071
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(29.868.286)	(17.435.675)
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(3.848.662.655)	(6.267.775.463)
06	Chi phí lãi vay	26	4.819.069.185	5.490.209.612
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		188.362.141.112	160.154.522.548
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		9.686.599.693	(10.928.404.934)
10	Giảm hàng tồn kho		13.614.990.109	12.292.858.357
11	Tăng các khoản phải trả		33.294.637.546	3.999.116.895
12	Giảm chi phí trả trước		159.360.413	929.562.712
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.438.698.105)	(5.813.759.429)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(37.197.528.781)	(28.784.964.939)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.760.642.000)	(7.688.169.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		190.720.859.987	124.160.761.710
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.911.591.084)	(30.821.145.347)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(53.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		64.865.577.325	26.664.958.691
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	-
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		4.983.337.934	4.940.928.017
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.037.324.175	784.741.361
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	309.153.182.012	302.960.792.522
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(314.405.250.526)	(350.990.281.874)
36	Cổ tức đã trả	23.3	(53.403.028.200)	(79.598.717.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(58.655.096.714)	(127.628.206.752)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		140.103.087.448	(2.682.703.681)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		59.436.849.289	62.116.676.458
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.660.053	2.876.512
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	199.563.596.790	59.436.849.289



Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh, cung cấp dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nghệ An
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Đà Nẵng
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nha Trang
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Cần Thơ
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Cửa hàng Giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Chi nhánh Bình Dương – Nhà máy Dược phẩm OPC
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Tiền Giang
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Miền Đông

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 981 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.015 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (2) công ty con với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
			<i>%</i>	<i>%</i>
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“TW25”)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14
(2) Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (“OPC BD”)	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước theo Hợp đồng Thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018 trong thời hạn 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, thì phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) quý.

Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với các công ty liên kết được loại trừ theo tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất và bất động sản. Tuy nhiên, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của hoạt động bất động sản chiếm không trọng yếu trong tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề dược phẩm và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.244.773.759	7.866.800.515
Tiền gửi ngân hàng	61.418.823.031	39.570.048.774
Các khoản tương đương tiền (*)	133.900.000.000	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>199.563.596.790</u>	<u>59.436.849.289</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 4%/ năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm và hưởng lãi suất từ 3,6% đến 4,8%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn này để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	159.798.362.592	169.058.957.889
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.094.428.398)	(30.473.539.676)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>126.703.934.194</u>	<u>138.585.418.213</u>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Kim Nam Thịnh	1.354.815.000	580.635.000
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	1.330.179.240
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	1.040.875.000	-
Bà Dương Thị Mộng Ngọc	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đông Phương	-	3.143.908.698
Các bên khác	3.048.914.675	4.556.325.113
TỔNG CỘNG	<u>7.274.783.915</u>	<u>10.111.048.051</u>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(1.330.179.240)	(1.330.179.240)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>5.944.604.675</u>	<u>8.780.868.811</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	4.333.265.033	5.513.852.121
Phải thu Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	3.601.800.798
Lãi tiền gửi phải thu	381.009.110	175.802.739
Tạm ứng nhân viên	148.901.352	1.478.911.654
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.164.713	-
Khác	155.389.060	257.336.930
Dài hạn	5.337.179.683	5.337.179.683
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh từ Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (*)	3.636.096.600	3.636.096.600
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	1.298.519.483
Khác	402.563.600	402.563.600
TỔNG CỘNG	9.670.444.716	10.851.031.804
<i>Dự phòng phải thu khác khó đòi</i>		
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	(3.601.800.798)	(3.601.800.798)
Dài hạn	(1.548.519.483)	(1.548.519.483)

(*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà TW25, công ty con của Công ty, góp vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TW25 đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	50.617.741.209	(33.094.428.398)	48.739.247.811	(30.473.539.676)
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	12.825.176.072	(12.825.176.072)	12.825.176.072	(12.825.176.072)
Khối điều trị Nhà thuốc Khác	25.862.252.140	(10.736.515.150)	22.428.918.343	(8.517.720.821)
	3.125.060.347	(2.665.794.657)	2.684.247.940	(2.562.414.470)
	8.805.252.650	(6.866.942.519)	10.800.905.456	(6.568.228.313)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.330.179.240	(1.330.179.240)	1.330.179.240	(1.330.179.240)
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	(1.330.179.240)	1.330.179.240	(1.330.179.240)
Phải thu ngắn hạn khác	3.601.800.798	(3.601.800.798)	3.601.800.798	(3.601.800.798)
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	(3.601.800.798)	3.601.800.798	(3.601.800.798)
Phải thu dài hạn khác	1.548.519.483	(1.548.519.483)	1.548.519.483	(1.548.519.483)
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	(1.298.519.483)	1.298.519.483	(1.298.519.483)
Khác	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
TỔNG CỘNG	57.098.240.730	(39.574.927.919)	55.219.747.332	(36.954.039.197)

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	248.273.468.650	(3.463.553.074)	224.153.870.745	(1.613.922.096)
Bất động sản để bán (*)	160.622.501.912	-	160.622.501.912	-
Thành phẩm	109.639.494.424	(463.229.162)	146.739.604.831	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.275.701.318	-	7.564.852.362	-
Hàng mua đang đi đường	1.967.621.460	-	-	-
Hàng hóa	622.353.226	-	890.511.908	-
Công cụ, dụng cụ	146.281.608	-	206.670.949	-
TỔNG CỘNG	526.547.422.598	(3.926.782.236)	540.178.012.707	(1.613.922.096)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của TW25, công ty con của Công ty, đang trong quá trình chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (*Thuyết minh số 16*).

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.613.922.096	1.908.886.112
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.878.240.438	565.380.298
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(565.380.298)</u>	<u>(860.344.314)</u>
Số cuối năm	<u>3.926.782.236</u>	<u>1.613.922.096</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	380.336.230	341.980.002
Công cụ, dụng cụ	170.243.330	341.980.002
Khác	210.092.900	-
Dài hạn	53.977.480.038	55.795.118.002
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	53.426.336.644	55.046.257.967
Tiền thuê cửa hàng	531.891.894	664.864.866
Khác	<u>19.251.500</u>	<u>83.995.169</u>
TỔNG CỘNG	<u>54.357.816.268</u>	<u>56.137.098.004</u>

(*) Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ Hợp đồng Thuê đất số 109/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 mà TW25, công ty con của Công ty, đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc ("SCD") để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, Khu B5, Đường D2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m2 cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 1 năm 2019) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	276.647.005.743	203.360.450.432	30.147.771.837	4.089.096.600	514.244.324.612
Mua trong năm	-	5.322.460.064	1.405.167.637	347.281.707	7.074.909.408
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	16.240.159.992	4.568.006.886	-	-	20.808.166.878
Số cuối năm	292.887.165.735	213.250.917.382	31.552.939.474	4.436.378.307	542.127.400.898
Trong đó:					
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết	32.701.015.865	163.688.032.878	23.409.374.305	3.244.949.509	223.043.372.557
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	133.511.356.474	180.510.167.115	25.964.589.699	3.952.064.602	343.938.177.890
Khấu hao trong năm	13.878.603.591	6.111.612.596	1.440.938.146	124.825.914	21.555.980.247
Số cuối năm	147.389.960.065	186.621.779.711	27.405.527.845	4.076.890.516	365.494.158.137
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	143.135.649.269	22.850.283.317	4.183.182.138	137.031.998	170.306.146.722
Số cuối năm	145.497.205.670	26.629.137.671	4.147.411.629	359.487.791	176.633.242.761

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	82.296.407.931	1.540.865.000	83.900.000	83.921.172.931
Trong đó:				
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết	-	1.540.865.000	83.900.000	1.624.765.000
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	5.065.391.573	1.540.865.000	83.900.000	6.690.156.573
Khấu hao trong năm	1.099.969.224	-	-	1.099.969.224
Số cuối năm	6.165.360.797	1.540.865.000	83.900.000	7.790.125.797
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	77.231.016.358	-	-	77.231.016.358
Số cuối năm	76.131.047.134	-	-	76.131.047.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy (*)	14.351.485.037	12.731.563.714
Mở rộng kho nhà máy tại Bình Dương	-	15.586.636.999
TỔNG CỘNG	<u>14.351.485.037</u>	<u>28.318.200.713</u>

(*) Số cuối năm thể hiện chi phí thuê đất và các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thăm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh của TW25, công ty con của Công ty.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	12.003.266.570	13.422.767.144
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.685.000.000	11.785.000.000
TỔNG CỘNG	<u>23.688.266.570</u>	<u>25.207.767.144</u>

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
		%	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	<u>12.003.266.570</u>	40,00	<u>13.422.767.144</u>

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>12.000.000.000</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	1.422.767.144
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	203.075.353
Lỗ chưa thực hiện	(109.816.392)
Cổ tức được chia trong năm	<u>(1.512.759.535)</u>
Số cuối năm	<u>3.266.570</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>13.422.767.144</u>
Số cuối năm	<u>12.003.266.570</u>

VND
Công ty Cổ phần
Dược OPC Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	4.070.000.000	180.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	299.475	2.750.000.000	299.475	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000	145.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	15.750	1.665.000.000	15.750	1.665.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	-	-	10.000	100.000.000
TỔNG CỘNG		<u>11.685.000.000</u>		<u>11.785.000.000</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	69.579.467.281	34.605.380.812
<i>Công ty TNHH In Bao bì C.D</i>	9.161.424.635	-
<i>Công ty Cổ phần Vcargo</i>	8.278.806.250	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trường Thọ Bình Dương</i>	4.852.435.136	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</i>	4.781.682.048	2.873.107.952
<i>Guangxi Caobenyan Traditional Chinese Medical Slices</i>	3.036.165.872	4.115.482.224
<i>Các bên khác</i>	39.468.953.340	27.616.790.636
Phải trả bên liên quan	1.475.410.650	9.441.249.300
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	1.475.410.650	9.441.249.300
TỔNG CỘNG	<u>71.054.877.931</u>	<u>44.046.630.112</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i)	178.082.838.961	178.082.838.961
Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kinh doanh An Phát (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Khác	3.206.229.591	1.092.921.690
TỔNG CỘNG	<u>212.539.068.552</u>	<u>210.425.760.651</u>

- (i) Đây là khoản tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (“INDECO”) theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa TW25, công ty con của Công ty, và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng trên khu đất tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, TW25 và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất tại số 120 Hai Bà Trưng. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng này được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, TW25 sẽ chuyển nhượng khu đất và cao ốc văn phòng cho INDECO.
- (ii) Đây là tiền đặt cọc theo Hợp đồng Chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.
- (iii) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV ký ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa TW25 và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 là 5.000.000.000 VND. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát thông qua Thỏa thuận Ký kết số 19/2018-BBTT và Hợp đồng Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25-AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.723.388.981	36.970.008.606	37.197.528.781	12.495.868.806
Thuế thu nhập cá nhân	2.085.646.822	9.891.696.999	11.172.684.745	804.659.076
Thuế giá trị gia tăng	993.549.201	30.707.330.912	31.356.356.913	344.523.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.859.394.568	8.730.456.968	128.937.600
Thuế tiêu thụ đặc biệt	472.727	25.578.177	26.050.904	-
Thuế nhập khẩu	-	9.901.500	9.901.500	-
Thuế khác	-	344.989.717	344.989.717	-
TỔNG CỘNG	<u>15.803.057.731</u>	<u>86.808.900.479</u>	<u>88.837.969.528</u>	<u>13.773.988.682</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí khuyến mãi	900.000.000	-	
Chi phí hoa hồng	552.799.612	2.505.847.144	
Chi phí lãi vay	487.761.392	107.390.312	
Chi phí nhượng quyền	-	1.098.980.064	
Khác	2.330.784.365	1.426.177.081	
TỔNG CỘNG	<u>4.271.345.369</u>	<u>5.138.394.601</u>	

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Cổ tức	27.186.442.239	857.630.439	
Kinh phí công đoàn	453.239.501	457.937.607	
Khác	641.761.249	655.262.153	
TỔNG CỘNG	<u>28.281.442.989</u>	<u>1.970.830.199</u>	

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
	VND			
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	76.588.796.350	309.153.182.012	314.405.250.526	71.336.727.836
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:				
<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
	VND		%/năm	
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
STVN523-13	32.608.173.214	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2022 đến ngày 10 tháng 6 năm 2022	3,1 - 3,35	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				
BFL/032020-763	31.344.151.052	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2022 đến ngày 28 tháng 2 năm 2022	3,35 - 3,67	Các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh				
106/2020-HĐCVHM/NHCT902- OPC BINH DUONG	7.384.403.570	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2022 đến ngày 6 tháng 2 năm 2022	6,8	Đây là khoản vay của OPC BD được Công ty bảo lãnh
TỔNG CỘNG	71.336.727.836			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.369.470.255	28.751.085.455
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm (Thuyết minh số 23.1)	11.042.482.700	304.854.000
Sử dụng quỹ	<u>(12.778.395.846)</u>	<u>(7.686.469.200)</u>
Số cuối năm	<u>19.633.557.109</u>	<u>21.369.470.255</u>

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc	<u>5.091.791.374</u>	<u>4.345.985.124</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước:						VND
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	212.434.575.449	125.012.258.452	67.762.933.420	687.663.268.104
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	105.790.746.137	(2.883.622.181)	102.907.123.956
Phân phối quỹ	-	-	457.281.000	(457.281.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(304.854.000)	-	(304.854.000)
Chi từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(19.000.300)	-	-	(19.000.300)
Cổ tức công bố	-	-	-	(79.731.840.000)	-	(79.731.840.000)
Số cuối năm	265.772.800.000	16.680.700.783	212.872.856.149	150.309.029.589	64.879.311.239	710.514.697.760
Năm nay:						
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	212.872.856.149	150.309.029.589	64.879.311.239	710.514.697.760
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	126.376.705.023	(3.014.083.335)	123.362.621.688
Phân phối quỹ	-	-	16.563.723.600	(16.563.723.600)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.042.482.700)	-	(11.042.482.700)
Cổ tức công bố	-	-	-	(79.731.840.000)	-	(79.731.840.000)
Khác	-	-	-	(79.618.924)	-	(79.618.924)
Số cuối năm	265.772.800.000	16.680.700.783	229.436.579.749	169.268.069.388	61.865.227.904	743.023.377.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.577.280	26.577.280

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

23.3 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức công bố trong năm	79.731.840.000	79.731.840.000
Cổ tức đã trả trong năm	53.403.028.200	79.598.717.400

23.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	126.376.705.023	105.790.746.137
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(354.259.700)</u>	<u>(10.993.077.000)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	126.022.445.323	94.797.669.137
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	26.577.280	26.577.280
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	4.742	3.567
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	4.742	3.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên số 420/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ở OPC BD theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 05/QĐ-HĐTV ngày 6 tháng 1 năm 2022 và chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 ở Công ty do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.126.407.919.401	966.483.806.412
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	1.106.830.963.146	936.716.225.877
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	18.445.368.406	28.280.945.605
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.131.587.849	1.486.634.930
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(2.680.002.241)	(893.262.039)
Doanh thu thuần	1.123.727.917.160	965.590.544.373

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.155.145.953	3.481.473.071
Cổ tức được chia	552.060.200	909.478.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	391.107.763	650.930.369
TỔNG CỘNG	4.098.313.916	5.041.881.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	622.543.217.175	544.706.087.683
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	20.147.601.293	26.689.698.259
Giá vốn hàng khuyến mãi	40.147.530.996	17.880.077.786
Giá vốn dịch vụ	808.020.194	734.402.786
TỔNG CỘNG	<u>683.646.369.658</u>	<u>590.010.266.514</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	6.787.770.302	4.771.272.717
Chi phí lãi vay	4.819.069.185	5.490.209.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.264.771	28.522.705
TỔNG CỘNG	<u>11.637.104.258</u>	<u>10.290.005.034</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	190.206.827.811	154.276.049.225
Chi phí nhân viên	129.468.342.670	89.182.682.941
Chi phí quảng cáo tiếp thị	8.231.077.848	12.886.138.453
Chi phí khác	52.507.407.293	52.207.227.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.161.699.766	84.892.796.501
Chi phí nhân viên	45.363.151.874	37.172.076.468
Chi phí khác	37.798.547.892	47.720.720.033
TỔNG CỘNG	<u>273.368.527.577</u>	<u>239.168.845.726</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	399.373.281.412	465.466.049.844
Chi phí nhân viên	255.667.086.124	189.983.466.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.677.977.879	63.019.251.904
Chi phí khấu hao	22.501.522.563	21.740.357.272
Khác	70.867.174.830	57.823.034.082
TỔNG CỘNG	<u>783.087.042.808</u>	<u>798.032.159.874</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi bởi quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.412.867.512	29.716.168.346
Điều chỉnh thuế TNDN trích trong các năm trước	-	318.902.767
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.534.964.007)</u>	<u>(164.345.338)</u>
TỔNG CỘNG	<u>35.877.903.505</u>	<u>29.870.725.775</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>159.240.525.193</u>	<u>132.777.849.731</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	31.848.105.039	26.555.569.946
<i>Điều chỉnh thuế do:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.170.353.892	2.858.142.915
Tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ chuyển sang các năm sau	1.004.432.191	941.544.774
Điều chỉnh thuế TNDN trích trong các năm trước	-	318.902.767
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(110.412.040)	(181.895.600)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	(244.029.748)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	(34.575.577)	(375.364.878)
Khác	-	(2.144.400)
Chi phí thuế TNDN	<u>35.877.903.505</u>	<u>29.870.725.775</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.974.276.932	749.836.797	1.224.440.135	435.132.901
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.018.358.275	869.197.025	149.161.250	(112.901.484)
Lợi nhuận chưa thực hiện	132.665.274	149.623.530	(16.958.256)	12.250.156
Chi phí phải trả	180.000.000	-	180.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(65.826)	1.613.296	(1.679.122)	1.932.628
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(172.068.863)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	3.305.234.655	1.770.270.648		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			1.534.964.007	164.345.338

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	40.355.365.000	37.322.769.000
		Cổ tức được chia	1.512.759.535	664.018.041
		Lãi cho vay	-	326.548.100

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải trả bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	1.475.410.650	9.441.249.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác như sau:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị		7.823.999.622	11.548.610.565
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	306.666.666	-
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	2.512.282.050	3.370.111.108
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	175.555.555	-
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	175.555.555	-
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	95.555.555	-
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Phó Chủ tịch	2.768.156.239	6.002.354.948
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên thành viên	727.702.080	1.237.440.809
Ông Lê Minh Điềm	Nguyên thành viên	359.111.110	495.777.775
Ông Ngô Tân Long	Nguyên thành viên	464.481.479	442.925.925
Ông Trịnh Việt Tuấn	Nguyên thành viên	197.822.222	-
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên thành viên	41.111.111	-
Ban Kiểm soát		1.381.481.847	1.366.733.639
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	50.555.555	-
Ông Lê Vũ Thuật	Nguyên Trưởng ban	361.444.444	349.666.663
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	60.555.555	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	168.020.500	-
Ông Phan Công Cường	Nguyên thành viên	227.972.722	-
Ông Nguyễn Văn Khái	Nguyên thành viên	61.111.111	-
Ông Nguyễn Văn Tấn	Nguyên thành viên	451.821.960	1.017.066.976
Ban Tổng Giám đốc		5.445.139.802	3.014.301.784
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	1.934.526.982	-
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Tổng Giám Đốc	698.558.350	413.999.997
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.495.213.241	1.359.170.880
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.316.841.229	1.241.130.907
TỔNG CỘNG		<u>14.650.621.271</u>	<u>15.929.645.988</u>

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.418.084.261	1.748.051.799
Từ 2 năm đến 5 năm	1.303.315.200	836.352.000
Trên 5 năm	6.190.747.200	4.181.760.000
TỔNG CỘNG	<u>8.912.146.661</u>	<u>6.766.163.799</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	<u>238.774</u>	<u>115.171</u>

33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Nhóm Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc



Ngày 4 tháng 3 năm 2022